

Bản án số: **08/2023/DS-ST**

Ngày: 16- 3-2023

V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự góp họ (hội)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Quách Thị Thu Hương

2. Ông Phạm Hoàng Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Tri Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2022/TLST - DS ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023 và Thông báo về việc dời ngày mở phiên tòa số 10/2023/TB-TA ngày 27/02/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mai Tuyết T, sinh năm 1969 và ông Trần Văn Th, sinh năm 1966; cùng địa chỉ: ấp N, xã M, huyện V, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1977 và bà Trần Ngọc B, sinh năm 1978; cùng địa chỉ: ấp Bình T, xã Vĩnh N, huyện V, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2022, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Mai Tuyết T và ông Trần Văn Th trình bày: Vợ chồng bà có tham gia hội do vợ chồng ông Huỳnh Văn D và bà Trần Ngọc B làm chủ hội cụ thể gồm:

Ngày 05/11/2017 bà B áp 1 dây hụi giá 1.000.000 đồng, có 32 chung hụi, hụi 1 tháng khui một lần, vợ chồng ông Th, bà T có tham gia 2 chung, mỗi chung đóng hụi được 23 lần thì bà B nói bẻ hụi, không khui nữa. Tổng số tiền hụi vợ chồng bà đã đóng 23 lần/chung với số tiền là 14.850.000 đồng, 2 chung đóng 23 lần là 29.700.000 đồng. Vợ chồng ông, bà xác định tham gia hụi phải có lãi nên yêu cầu vợ chồng bà B, ông D trả 02 chung hụi sống đóng 23 lần là 46.000.000 đồng (trong đó gốc là 29.700.000 đồng, tiền lãi hụi là 8.110.000 đồng/2 chung), trừ 1.000.000 đồng hoa hồng 02 chung, còn lại phải trả cho vợ chồng bà số tiền là 45.000.000 đồng, không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn vợ chồng bà Trần Ngọc B và ông Huỳnh Văn D có đơn xin vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 18/01/2023 bị đơn vợ chồng bà B, ông D xác định:

Vợ chồng ông, bà làm chủ hụi, mở dây hụi ngày 05/11/2017, hụi 1 tháng khui một lần, hụi giá 1.000.000 đồng, có 32 chung hụi, vợ chồng bà T, ông Th có tham gia 2 chung, mỗi chung hụi sống đóng được 23 lần với số tiền 14.800.000 đồng/chung. Bị đơn thống nhất trả 15.000.000đ/chân (2 chung là 30.000.000 đồng), nhưng xin trả dần, mỗi năm trả 2.000.000 đồng bắt đầu trả ngày 30/12/2023 dl cho đến khi dứt nợ 30.000.000 đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn vợ chồng bà T ông Th yêu cầu bị đơn vợ chồng bà B, ông D trả số tiền hụi là 54.000.000 đồng là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn vợ chồng bà T, ông Th khởi kiện bị đơn vợ chồng bà B, ông D có nơi cư trú tại ấp Bình Thành, xã Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn vợ chồng bà B, ông D có đơn xin vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của bà B, ông D không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà B, ông D.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Mai Tuyết T, ông Trần Văn Th yêu cầu bà Trần Ngọc B, ông Huỳnh Văn D trả số tiền hội còn thiếu là 45.000.000 đồng. Còn bị đơn bà B, ông D đồng ý trả số tiền hội là 30.000.000 đồng. Xét thấy, hợp đồng góp hội giữa các bên được xác lập bằng lời nói, hội có lãi và có hoa hồng (đối với đây hội 1.000.000 đồng thì chủ hội bà B được hưởng hoa hồng là 500.000 đồng/01 lần khai hốt hội). Chủ hội bà B có lập danh sách những người tham gia góp hội của đây hội. Việc chơi hội giữa các bên là có lãi, hoa hồng, mỗi lần khai hội bà B được nhận tiền hoa hồng nên có trách nhiệm gom hội giao cho các hội viên, phần lãi chênh lệch của mỗi lần khai (sổ) hội do các hội viên hưởng và chịu. Nay bà T, ông Th yêu cầu trả số tiền nợ hội 02 chung hội sống chưa hốt, mỗi chung đóng được 23 lần là với tổng số tiền là 46.000.000 đồng, đồng ý trừ lại 1.000.000 đồng tiền hoa hồng. Trong quá trình thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T, ông Th, buộc bị đơn bà B, ông D trả tổng số tiền nợ hội còn thiếu là 45.000.000 đồng.

Xét yêu cầu xin trả dần của vợ chồng bà B, ông D mỗi tháng là 2.000.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 30/12/2023 cho đến khi trả xong nợ, do nguyên đơn bà T, ông Th không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận được.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận như nêu ở phần nhận định trên.

[4] *Về án phí sơ thẩm:* Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn bà B, ông D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 45.000.000 đồng x 5% = 2.250.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Mai Tuyết T, ông Trần Văn Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.125.000 đồng theo biên lai số 0003937 ngày 19/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 15, Điều 18, Điều 23 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường; Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Tuyết T, ông Trần Văn Th về việc tranh chấp hợp đồng góp họ (hội) đối với bà Trần Ngọc B và ông Huỳnh Văn D.

Buộc bà Trần Ngọc B và ông Huỳnh Văn D trả cho bà Mai Tuyết T, ông Trần Văn Th số tiền nợ hội là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bà T, ông Th có đơn yêu cầu thi hành án mà bà B, ông D không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền cho bà T, ông Th thì bà B, ông D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2- Về án phí:

Buộc bà Trần Ngọc B và ông Huỳnh Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Mai Tuyết T, ông Trần Văn Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.125.000 đồng theo biên lai số 0003937 ngày 19/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/3/2023). Đối với bị đơn bà B, ông D vắng

mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Bình Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Phụng